

Số: 032/2022/QĐ-THUV

Hung Yên, ngày 21 tháng 06 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành Đề án tuyển sinh trình độ Đại học năm 2022 của trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam**

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-TTG ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 19/01/2022 quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1683/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Quyết định 1683/QĐ-BGDĐT ngày 17/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo;

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này **Đề án tuyển sinh trình độ Đại học năm 2022** của trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam (chi tiết đề án được đính kèm bên dưới Quyết định này).

**Điều 2.** Các ông (bà) Trưởng phòng đào tạo và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

Ban giám hiệu;

Như điều 2;

Lưu: văn phòng.



**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2022**

(Ban hành theo Quyết định số 032/2022/QĐ-THUV)

**I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)**

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

**- Giới thiệu và sứ mệnh**

Trong xã hội toàn cầu, để con người có niềm tin vào tương lai, cùng xây dựng một xã hội giàu đẹp, tự do và hòa bình thì sức khỏe là vô cùng quan trọng. Chúng tôi thành lập Trường Đại học Y khoa tại Việt Nam với sứ mệnh đào tạo những cán bộ y tế trình độ cao, giàu lòng nhân ái và sẵn sàng hội nhập với thế giới.

Cùng với việc đào tạo trong lĩnh vực y tế, Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam sẽ nuôi dưỡng khả năng sáng tạo và tính nhân văn, giúp trau dồi tinh thần tự lập, tương trợ lẫn nhau của đội ngũ cán bộ y tế để “mang lại sức khỏe, hạnh phúc” cho cộng đồng.

**- Địa chỉ các trụ sở**

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam	ST-01, Khu đô thị thương mại & du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.	3,2 ha	5742,24 m <sup>2</sup>

2. Quy mô đào tạo chính quy

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo						
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII
I.	Chính quy							

1.	Sau đại học						
1.1	Tiến sĩ						
1.2	Thạc sĩ						
2.	Đại học					228	
2.1	Chính quy					228	
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên					228	
2.1.1.1	Điều dưỡng (7720301)					86	
2.1.1.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học (7720601)					29	
2.1.1.3	Kỹ thuật hình ảnh y học (7720602)					39	
2.1.1.4	Kỹ thuật phục hồi chức năng (7720603)					74	
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên						
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH					0	
2.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy					0	
2.4	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ					0	

	đại học trở lên						
3.	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non					0	
3.1	Chính quy						
3.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy						
3.3	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng						
II	Vừa làm vừa học					0	
1	Đại học						
1.1	Vừa làm vừa học						
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học						
1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học						
1.4	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên						
2.	Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non						

2.1	Vừa làm vừa học							
2.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học							
2.3	Đào tạo vừa học vừa làm đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng							
III	Đào tạo từ xa					0		

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2021		x		
2	Năm tuyển sinh 2020		x		

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành I							
Khối ngành II							

Khối ngành III							
Khối ngành IV							
Khối ngành V							
Khối ngành VI							
Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	80	8	19	80	21	19
Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	38	3	19	38	17	19
Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	38	4	19	38	10	19
Điều dưỡng	7720301	110	5	19	110	16	19
Khối ngành VII							

## II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

### 1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

#### 1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 3,2 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 28.6 m<sup>2</sup>/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng	28	4098

	viên cơ hữu		
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	321
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	643
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	8	1107
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	8	958
6	Số phòng học đa phương tiện	1	242
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	6	826
8	Thư viện, trung tâm học liệu	2	447
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	9	2029

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Xem phụ lục 03 kèm theo

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	6500
7	Khối ngành VII	

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 01 kèm theo

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

- Xem phụ lục 02 kèm theo

### **III. Các thông tin của năm tuyển sinh**

**1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)**

#### **1.1. Đối tượng tuyển sinh**

Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc cấp học tương đương, và có đủ sức khỏe đảm bảo việc học tập.

#### **1.2. Phạm vi tuyển sinh**

Toàn quốc

#### **1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)**

Xét tuyển;

Trường ĐH y khoa Tokyo Việt Nam xét tuyển theo 1 trong 3 phương thức:

1. Xét kết quả thi THPT Quốc gia đối với các khối thi A00, A01, B00, B08;
2. Xét tuyển theo phương án riêng của Nhà trường, bao gồm



2.1. Xét tuyển thẳng theo kết quả học tập trung học phổ thông và chứng chỉ năng lực tiếng Nhật JLPT

2.2. Xét kết quả học tập trung học phổ thông kèm với bài tham luận và phỏng vấn.

3. Xét tuyển thẳng dành cho thí sinh đạt giải quốc gia

1.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*  
a) *Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;*

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	957/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017
2	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	957/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017
3	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	957/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016
4	Điều dưỡng	7720301	957/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

STT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Xét theo KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Điều dưỡng	7720301	44	66	A00		A01		B00		B08	
1.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	15	23	A00		A01		B00		B08	
1.3	Kỹ thuật	7720602	15	23	A00		A01		B00		B08	

	hình ảnh y học																		
1.4	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7720603	32	48	A00		A01		B00										B08

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Mã trường: THU

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển: như bảng b mục 1.4 ở trên

- Nguyên tác xét tuyển:

+ Thí sinh được chọn 1 trong 3 hoặc cả 3 phương thức để xét tuyển;

+ Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số lượng nguyện vọng và phải sắp xếp thứ tự nguyện vọng theo mức độ ưu tiên, từ cao xuống thấp;

+ Trong cùng ngành, 4 tổ hợp xét tuyển đều được sử dụng tương đương, không có sự chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp;

+ Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trường hợp các thí sinh có tổng điểm các môn thi của tổ hợp xét tuyển bằng nhau thì xét ưu tiên môn Toán với khối A00 và A01, ưu tiên môn Sinh học với khối B00 và B08;

*1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

*1.7.1. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022 và xét tuyển thẳng dành cho thí sinh đạt giải quốc gia*

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

*1.7.2. Đối với hình thức xét tuyển phương án riêng của trường*

*1.7.2.1. Điều kiện xét tuyển: thí sinh thỏa mãn 1 trong 4 điều kiện dưới đây được phép nộp hồ sơ xét tuyển*

(1) Thí sinh có điểm trung bình các môn cả năm lớp 10, 11 và điểm trung bình các môn học kì I lớp 12 đạt  $\geq 6,5$  điểm trở lên.

(2) Thí sinh có tổng điểm trung bình môn học kì I hoặc học kì II của lớp 12 đối với 03 môn thuộc 01 trong 07 tổ hợp A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh), B00 (Toán, Hóa, Sinh), B08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh), D23 (Toán, Hóa, Tiếng Nhật), D28 (Toán, Lý, Tiếng Nhật), D33 (Toán, Sinh, Tiếng Nhật)  $\geq 19.5$  điểm.

(3) Thí sinh đạt học lực khá học kì I hoặc học kì II của năm lớp 12 và có chứng chỉ năng lực tiếng Nhật (JLPT) trình độ N3 trở lên.

(4) Thí sinh đã hoàn thành chương trình học tập của nước ngoài tương đương THPT.

1.7.2.2. Hồ sơ đăng kí xét tuyển:

- Phiếu đăng kí xét tuyển (theo mẫu của nhà trường);
  - Bài luận (theo mẫu);
  - Bản sao Bảng điểm hoặc Học bạ THPT;
  - Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc Bằng tốt nghiệp THPT
  - 02 ảnh chân dung 4x6
  - Lệ phí xét tuyển 200.000 VNĐ
  - Bản sao Chứng chỉ tiếng Nhật còn giá trị hiệu lực (nếu có)
- 1.7.2.3. Hình thức nhận đăng kí xét tuyển:

Thí sinh có thể gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Phòng tuyển sinh nhà trường theo địa chỉ sau:

Trường ĐHY khoa Tokyo Việt Nam - Phòng tuyển sinh

Địa chỉ: ST-01, khu đô thị Ecopark, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

SĐT: (024) 6664 0325 / 086 821 7406

1.7.2.4. Thời gian nhận hồ sơ và phỏng vấn (dự kiến):

Thí sinh có thể nộp hồ sơ theo các đợt sau (trừ ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật)

Thời gian nhận hồ sơ	Thời gian trả kết quả xét tuyển (dự kiến)
• Đợt I: Từ 19/4 ~ 19/5/2022	• Đợt I: 24/5/2022 (Thứ ba)
• Đợt II: Từ 1/6 ~ 17/6/2022	• Đợt II: 21/6/2022 (Thứ ba)
• Đợt III: Từ 1/7 ~ 15/7/2022	• Đợt III: 19/7/2022 (Thứ ba)
• Đợt IV: Từ 22/7 ~ 31/7/2022	• Đợt IV: 2/8/2022 (Thứ ba)
• Đợt V: Đang cập nhật	• Đợt V: Đang cập nhật
• Đợt VI: Đang cập nhật	• Đợt VI: Đang cập nhật

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...  
Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

1.9.1. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022

Lệ phí xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi THPT (theo thống nhất với các đơn vị đào tạo có liên quan) là: 20.000 đồng / 01 nguyện vọng đăng ký xét tuyển.

1.9.2. Đối với hình thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT & phỏng vấn

- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/thí sinh/lượt thi.

- Hình thức nộp lệ phí:

Cách 1: Nộp lệ phí thi kèm theo hồ sơ đăng ký xét tuyển và gửi theo đường bưu điện;

Cách 2: Nộp trực tiếp tại Phòng tuyển sinh - Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam.

Cách 3: Nộp chuyển khoản đến tài khoản của Nhà trường theo thông tin chuyển khoản như sau:

- Tên tài khoản: Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam
- Số tài khoản: 0591 000 66 8888
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Vietnam (Vietcombank), chi nhánh Hưng Yên
- Nội dung chuyển khoản: Nộp lệ phí ĐKXT 2022, [Họ tên thí sinh]; [Số CMND/thẻ CCCD/Hộ chiếu của thí sinh]

*1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

- Sinh viên nhập học năm học 2022-2023 sẽ nộp Phí nhập học 6.100.000 VNĐ. Phí nhập học chỉ đóng 1 lần duy nhất vào thời điểm nhập học.

- Học phí được đóng theo học kì, trong đó mức học phí cả năm học 2022-2023 như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
Học phí	58.000.000 VNĐ
Phí thực hành, thực tập	5.000.000 VNĐ
Phí cơ sở vật chất	4.100.000 VNĐ
<b>Tổng</b>	<b>67.100.000 VNĐ</b>

Mức học phí này sẽ được thay đổi theo từng năm, tùy theo biến động vật giá của thị trường.

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)  
Không

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).  
Không đào tạo ngành trên.

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.  
Hiện chưa có.

1.12.2. Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù  
Các ngành của trường không là ngành đặc thù.

1.12.3. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (không trái quy định hiện hành)....  
Các ngành của trường không là ngành đặc thù.

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2019

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0



Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành VI	296	0	20	0	0	6	0	5	0
Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0	0	0	0

*1.13.2. Năm tuyển sinh 2021*

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành I	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối ngành V	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối ngành VI	296	0	64	0	44	0	0
Khối ngành VII	0	0	0	0	0	0	0

Lưu ý: do đặc thù ngành, các sinh viên tốt nghiệp năm 2021 hiện đang tiếp tục học tập tại các bệnh viện để lấy chứng chỉ hành nghề, do vậy chưa tìm việc làm.

#### 1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 10.077.586.744 VNĐ
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 162.033.597 VNĐ

#### 2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Không bao gồm chỉ tiêu liên thông VL VH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và đào tạo văn bằng 2 VL VH)

Trường ĐH Y khoa Tokyo Việt Nam không tuyển sinh.

#### 2.1. Đối tượng tuyển sinh

#### 2.2. Phạm vi tuyển sinh

#### 2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

#### 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VL VH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ	Năm bắt đầu đào tạo
-----	-----------	----------	--------------------	---------------------	----------------------------	---	---------------------



3.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VL VH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VB2	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo

3.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

3.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

3.7. *Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

3.8. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...*

3.9. *Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

3.10. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....*

**4. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học**

Trường ĐH Y khoa Tokyo Việt Nam không tuyển sinh.

4.1. *Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan (Bộ ngành, UBND tỉnh)*

4.2. Chỉ tiêu đào tạo

4.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.4. Các nội tuyến sinh đào tạo theo đặt hàng do các trường quy định (không trái quy định hiện hành).

**5. Tuyển sinh liên thông trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học**

Trường ĐH Y khoa Tokyo Việt Nam không tuyển sinh.

5.1. Đối tượng tuyển sinh

5.2. Phạm vi tuyển sinh

5.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

5.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo

5.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

5.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

5.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

5.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

5.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tới đa cho từng năm (nếu có)

5.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung

5.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

Cán bộ kê khai

**HIỆU TRƯỞNG**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Đề án tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022)*

**Phụ lục 01: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

STT	Họ và tên	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành đại học	Tên ngành đại học
1	Atsuzawa Akihiko	Nữ	Đại học	Kỹ thuật công nghiệp y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	Thạc sĩ	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
3	Đặng Thanh Hiền	Nữ	Cử nhân	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
4	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	Thạc sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
5	Ishifuro Minoru	Nam	Tiến sĩ	Y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
6	Trần Văn Biên	Nam	Tiến sĩ	Y khoa	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
7	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần	7720301	Điều dưỡng

8	Đỗ Minh Hải	Nam	Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
9	Yokosawa Kaori	Nữ	Đại học	Vật lý trị liệu	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
10	Trương Thị Thùy Linh	Nữ	Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Nhật	7720301	Điều dưỡng
11	Uchida Miyako	Nữ	Tiến sĩ	Khoa học thể chất & tinh thần	7720301	Điều dưỡng
12	Trần Thị Thảo	Nam	Thạc sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
13	Akiyama Kayo	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học dinh dưỡng Tư vấn	7720301	Điều dưỡng
14	Sakai Kazuhiro	Nam	Thạc sĩ	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
15	Kusumi Mari	Nữ	Tiến sĩ	Khoa học y tế	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
16	Kuriyama Takumi	Nam	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
17	Fujiwara Hiroko	Nữ	Tiến sĩ	Vật lý học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
18	Yamada Shukoh	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
19	Tokimitsu Ichiro	Nam	Tiến sĩ	Y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
20	Tomita Hiroshi	Nam	Tiến sĩ	Vật lý trị liệu	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng



21	Kuroda Rumi	Nữ	Tiến sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
22	Đình Thị Liễu	Nữ	Đại học	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
23	Kuriyama Akihiko	Nam	Tiến sĩ	Kỹ thuật y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
24	Inoue Masayuki	Nam	Đại học	Văn hóa Nhật Bản	7720301	Điều dưỡng
25	Makino Yukari	Nữ	Thạc sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
26	Fujino Tsutomu	Nam	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
27	Kaneko Yuichi	Nam	Đại học	Thông tin khoa học xã hội	7720301	Điều dưỡng
28	Hondo Nobuhiro	Nam	Thạc sĩ	Y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
29	Suzuki Harue	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
30	Hotoke Shuko	Nữ	Tiến sĩ	Khoa học thể thao	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
31	Anada Hiromi	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
32	Otsuka Hiroshi	Nam	Tiến sĩ	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
33	Matsumoto Sachiko	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần	7720301	Điều dưỡng

34	Nakai Yuko	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
35	Endo Takayuki	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
36	Koiwa Nobuyoshi	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
37	Takahashi Kimiko	Nữ	Tiến sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
38	Nakayama Kazuhisa	Nam	Tiến sĩ	Xã hội học	7720301	Điều dưỡng
39	Kobori Junko	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần	7720301	Điều dưỡng
40	Yajima Hiroaki	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
41	Sato Yukimitsu	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
42	Sato Hiroko	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học sức khỏe thể chất & tinh thần	7720301	Điều dưỡng
43	Atsuzawa Akiko	Nữ	Đại học	Kỹ thuật máy móc	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
44	Sato Shinichiro	Nam	Tiến sĩ	Phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng

45	Hanawa Hiroki	Nam	Tiến sĩ	Khoa học y tế	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
46	Karube Hitomi	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
47	Watanabe Shigeru	Nam	Tiến sĩ	Bác sĩ	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
48	Saito Nobuo	Nam	Tiến sĩ	Kỹ thuật phúc lợi y tế	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
49	Dương Thị Thu Hương	Nữ	Đại học	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
50	Kagitani Fusako	Nữ	Tiến sĩ	Khoa học tự nhiên	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học

**Phục lục 02: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

STT	Họ và tên	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành đại học	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Thị Phương	Nữ	Thạc sĩ	Vật lý	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
2	Nguyễn Văn Đạt	Nam	Thạc sĩ	Kỹ thuật	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
3	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	Tiến sĩ	Toán học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
4	Vũ Thị Thương	Nữ	Thạc sĩ	Kỹ thuật	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
5	Vũ Dũng	Nam	Thạc sĩ	Y tế công cộng	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
6	Vũ Văn Đâu	Nam	Tiến sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng
7	Trần Thị Thoa	Nữ	Thạc sĩ	Giáo dục trường học	7720301	Điều dưỡng

8	Vũ Đức Anh	Nam	Thạc sĩ	Y học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
9	Nguyễn Minh Hoan	Nam	Đại học	Kỹ thuật y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
10	Ngô Thị Uyên	Nữ	Thạc sĩ	Y học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
11	Hoàng Thị Hằng	Nữ	Thạc sĩ	Xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
12	Đào Thị Thu Nga	Nữ	Thạc sĩ	Tiếng Anh	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
13	Phạm Văn Mạnh	Nam	Tiến sĩ	Vật lý trị liệu	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
14	Lê Vũ Huyền Trang	Nữ	Thạc sĩ	Y học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
15	Đỗ Văn Thắng	Nam	Thạc sĩ	Tâm thần	7720301	Điều dưỡng
16	Đỗ Quang Tuyền	Nam	Thạc sĩ	Y tế công cộng	7720301	Điều dưỡng
17	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	Tiến sĩ	Mô hình hóa và điều khiển hệ thống	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học
18	Đỗ Thị Tuyền	Nữ	Thạc sĩ	Khoa học y sinh	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
19	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	Thạc sĩ	Quản lý khoa học & công nghệ	7720301	Điều dưỡng
20	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	Cử nhân	Giáo dục thể chất	7720301	Điều dưỡng
21	Hoàng Thị Thanh Hoa	Nữ	Thạc sĩ	Xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học
22	Nguyễn Ngọc	Nam	Tiến sĩ	Công tác xã hội	7720301	Điều dưỡng
23	Nguyễn Quang Dũng	Nam	Tiến sĩ	Y khoa	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
24	Nguyễn Văn Khánh	Nữ	Thạc sĩ	Tiếng Anh	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng
25	Đào Quang	Nam	Thạc sĩ	Vi sinh	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học

	Trung							
26	Nguyễn Thái Học	Nam	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện, tự động hóa	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
27	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ	Thạc sĩ	Triết học	7720301	Điều dưỡng		
28	Nguyễn Kim Dung	Nữ	Thạc sĩ	KT điều khiển & tự động hóa	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
29	Nguyễn Thị Mai	Nữ	Thạc sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng		
30	Nguyễn Thị Phương Huy	Nữ	Thạc sĩ	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng		
31	Nguyễn Tiến Hiến	Nam	Tiến sĩ	Vật lý nguyên tử	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học		
32	Phạm Đức Quân	Nam	Thạc sĩ	Xây dựng Đảng & chính quyền nhà nước	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
33	Trần Mai Linh	Nữ	Thạc sĩ	Hóa sinh y học	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng		
34	Vũ Thị Trâm	Nữ	Tiến sĩ	Độc học	7720301	Điều dưỡng		

**Phụ lục 03: Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị**

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khởi ngành đào tạo
1	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bản sao bộ xương nữ giới Nhật Bản	Khởi ngành 6
2	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bản sao từng phần bộ xương nam giới Nhật Bản	Khởi ngành 6
3	Phòng thực tập các môn khoa học/y học	Mô hình bản sao từng phần bộ xương nữ	Khởi ngành 6

	cơ sở	giới Nhật Bản	
4	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình các loại khớp 10 loại	Khối ngành 6
5	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe “Physiko”	Khối ngành 6
6	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe “Physiko”	Khối ngành 6
7	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe “Physiko”	Khối ngành 6
8	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe “Physiko”	Khối ngành 6
9	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe “Physiko”	Khối ngành 6
10	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình đánh giá tình trạng sức khỏe “Physiko”	Khối ngành 6
11	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	Khối ngành 6
12	Phòng thực tập các môn khoa học/y học	Mô hình thực hành với người trưởng thành	Khối ngành 6

	cơ sở	“SAKURA” II	
13	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	Khối ngành 6
14	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	Khối ngành 6
15	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	Khối ngành 6
16	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	Khối ngành 6
17	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình phổi	Khối ngành 6
18	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình phổi trong suốt nhìn rõ các nhánh khí quản	Khối ngành 6
19	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hệ tiêu hóa	Khối ngành 6
20	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình não dạng A	Khối ngành 6
21	Phòng thực tập các môn khoa học/y học	Mô hình mặt cắt ngang cột sống	Khối ngành 6

	cơ sở			
22	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình tay dạng D		Khối ngành 6
23	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình chân dạng D		Khối ngành 6
24	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình mặt cắt biểu bì da		Khối ngành 6
25	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo mắt dạng A		Khối ngành 6
26	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo tai dạng A		Khối ngành 6
27	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo răng dạng A		Khối ngành 6
28	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình khoang mũi - họng - thanh quản		Khối ngành 6
29	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hệ tiết niệu		Khối ngành 6
30	Phòng thực tập các môn khoa học/y học	Mô hình quá trình thụ thai		Khối ngành 6



	cơ sở			
31	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình các loại thực phẩm cơ bản	Khối ngành 6	
32	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thay đổi khẩu phần ăn uống	Khối ngành 6	
33	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình khẩu phần ăn uống ít muối 45	Khối ngành 6	
34	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu xương chậu trong suốt	Khối ngành 6	
35	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình tử cung của phụ nữ mang thai - dạng A	Khối ngành 6	
36	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình các giai đoạn phát triển của thai nhi - dạng A	Khối ngành 6	
37	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình 12 loại bệnh truyền nhiễm trên da	Khối ngành 6	
38	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình viêm loét dạ dày	Khối ngành 6	
39	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư vú	Khối ngành 6	

	cơ sở			
40	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư từ cung		Khối ngành 6
41	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư thực quản		Khối ngành 6
42	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư gan		Khối ngành 6
43	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình ung thư dạ dày		Khối ngành 6
44	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình xuất huyết não		Khối ngành 6
45	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình tình trạng kí sinh trùng kí sinh trên cơ thể người		Khối ngành 6
46	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình 10 loại kí sinh trùng trên cơ thể người		Khối ngành 6
47	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình chi trên - dạng A		Khối ngành 6
48	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình chi dưới - dạng A		Khối ngành 6

	cơ sở			
49	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình dạ dày		Khối ngành 6
50	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu ruột		Khối ngành 6
51	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình gan, lá lách, thận		Khối ngành 6
52	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo của thận dạng CIM		Khối ngành 6
53	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình thực đơn ăn dặm		Khối ngành 6
54	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cơ thể dạng M-100		Khối ngành 6
55	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương nam giới Nhật Bản		Khối ngành 6
56	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hệ tuần hoàn máu		Khối ngành 6
57	Phòng thực tập các môn khoa học/y học	Mô hình hộp sọ dạng H-3		Khối ngành 6

	cơ sở				
58	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo tim dạng A	Khối ngành 6		
59	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình não và hệ thần kinh	Khối ngành 6		
60	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương nam giới dạng SA-160	Khối ngành 6		
61	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cấu tạo giải phẫu 3D	Khối ngành 6		
62	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường	Khối ngành 6		
63	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường	Khối ngành 6		
64	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường	Khối ngành 6		
65	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường	Khối ngành 6		
66	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường	Khối ngành 6		

	cơ sở			
67	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường		Khối ngành 6
68	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường		Khối ngành 6
69	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường		Khối ngành 6
70	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường		Khối ngành 6
71	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tử y tế đầu giường		Khối ngành 6
72	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương người gắn kết		Khối ngành 6
73	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu bán thân và nội tạng tháo rời người lớn 24 phần		Khối ngành 6
74	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cơ đầu với cổ		Khối ngành 6
75	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cột sống		Khối ngành 6

	cơ sở			
76	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu da	Khối ngành 6	
77	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu mắt 11 phần	Khối ngành 6	
78	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cánh tay 20 phần	Khối ngành 6	
79	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu tai 4 phần	Khối ngành 6	
80	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu tim 2 phần	Khối ngành 6	
81	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu cơ và nội tạng 33 phần	Khối ngành 6	
82	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6	
83	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6	
84	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình khớp vai	Khối ngành 6	

	cơ sở			
85	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình khung chậu nữ	Khối ngành 6	
86	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình hộp sọ 3 phần	Khối ngành 6	
87	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình não 9 phần	Khối ngành 6	
88	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình giải phẫu bán thân 20 phần	Khối ngành 6	
89	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Mô hình cột sống	Khối ngành 6	
90	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh màu	Khối ngành 6	
91	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh bệnh Alzheimer	Khối ngành 6	
92	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh về kiểu gen	Khối ngành 6	
93	Phòng thực tập các môn khoa học/y học cơ sở	Tranh về bệnh cúm	Khối ngành 6	

	cơ sở			
94	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6	
95	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu bán thân và nội tạng thào dời người lớn 24 phần	Khối ngành 6	
96	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu cơ đầu với cổ	Khối ngành 6	
97	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cột sống	Khối ngành 6	
98	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu da	Khối ngành 6	
99	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu mắt 11 phần	Khối ngành 6	
100	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu cánh tay 20 phần	Khối ngành 6	
101	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu tai 4 phần	Khối ngành 6	
102	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu tim 2 phần	Khối ngành 6	
103	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu cơ và nội tạng 33 phần	Khối ngành 6	
104	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6	
105	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình bộ xương người gắn kết	Khối ngành 6	
106	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp vai	Khối ngành 6	



107	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp cẳng tay	Khối ngành 6
108	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp đùi	Khối ngành 6
109	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Khối ngành 6
110	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khung chậu nữ	Khối ngành 6
111	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình hộp sọ 3 phần	Khối ngành 6
112	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình não 9 phần	Khối ngành 6
113	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình giải phẫu bán thân 20 phần	Khối ngành 6
114	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình đặt ống xông dạ dày	Khối ngành 6
115	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành nội thông khí quản	Khối ngành 6
116	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành đa năng	Khối ngành 6
117	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tủy sống ngực	Khối ngành 6
118	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cuống phổi	Khối ngành 6
119	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp háng	Khối ngành 6
120	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp khuỷu tay	Khối ngành 6
121	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp vai	Khối ngành 6

122	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
123	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
124	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
125	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
126	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
127	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
128	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
129	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
130	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
131	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế bảng điện Model: PA-93281C	Khối ngành 6
132	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
133	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
134	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
135	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
136	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6

137	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
138	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
139	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
140	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
141	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn động y tế qua giường Model: PF-3100	Khối ngành 6
142	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành nội thông khí quản Model: LM-106	Khối ngành 6
143	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình đặt ống xông dạ dày Model: LM-097	Khối ngành 6
144	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành đa năng Model: MW25	Khối ngành 6
145	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cấp dưỡng qua ống thông Model: MW8	Khối ngành 6
146	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành tiêm trong da Model: M94	Khối ngành 6
147	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tủy sống ngực Model: BS 28/1	Khối ngành 6
148	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cường phổi Model: HS 8/4	Khối ngành 6

149	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp háng Model: NS 51	Khối ngành 6
150	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp khuỷu tay Model: NS 52	Khối ngành 6
151	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình khớp vai Model: NS 53	Khối ngành 6
152	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập kiểm tra thai sản Model: LM-043N	Khối ngành 6
153	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử người lớn Model: PP-JTM-100M	Khối ngành 6
154	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử trẻ em Model: PP-CM-100M	Khối ngành 6
155	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành kỹ năng CPR cơ bản có kiểm soát điện tử trẻ sơ sinh Model: PP-IM-100M	Khối ngành 6
156	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường điện	Khối ngành 6
157	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế điện di động	Khối ngành 6
158	Phòng thực hành Điều dưỡng	Băng ca dạng gấp	Khối ngành 6
159	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ thực hành tiêm lấy máu tĩnh mạch kiểu	Khối ngành 6

		đeo tay - Kantankun	
160	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ thực hành tiêm lấy máu tĩnh mạch kiểu đeo tay - Kantankun	Khối ngành 6
161	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ thực hành tiêm lấy máu tĩnh mạch kiểu đeo tay - Kantankun	Khối ngành 6
162	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ thực hành tiêm lấy máu tĩnh mạch kiểu đeo tay - Kantankun	Khối ngành 6
163	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ thực hành tiêm lấy máu tĩnh mạch kiểu đeo tay - Kantankun	Khối ngành 6
164	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm " V line"	Khối ngành 6
165	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm " V line"	Khối ngành 6
166	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm " V line"	Khối ngành 6
167	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm " V line"	Khối ngành 6
168	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm " V line"	Khối ngành 6
169	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tay tiêm tĩnh mạch trẻ em	Khối ngành 6
170	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tay tiêm tĩnh mạch trẻ em	Khối ngành 6

171	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tay tiêm tĩnh mạch trẻ em	Khối ngành 6
172	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm trong da	Khối ngành 6
173	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm trong da	Khối ngành 6
174	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm trong da	Khối ngành 6
175	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm trong da	Khối ngành 6
176	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm trong da	Khối ngành 6
177	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm mông	Khối ngành 6
178	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm mông	Khối ngành 6
179	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành nội thông khí quản & xử lý đường hô hấp	Khối ngành 6
180	Phòng thực hành Điều dưỡng	Búp bê Resusci Anne hướng dẫn kỹ năng hồi sức cấp cứu nâng cao QCPR	Khối ngành 6
181	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập thông đường tiêu nam	Khối ngành 6
182	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập thông đường tiêu nam	Khối ngành 6
183	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập thông đường tiêu nữ	Khối ngành 6
184	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập thông đường tiêu nữ	Khối ngành 6

185	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe gọi đầu HL	Khối ngành 6
186	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe tắm gội, vệ sinh	Khối ngành 6
187	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bơm truyền dịch	Khối ngành 6
188	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bơm Syringe	Khối ngành 6
189	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình cấp dưỡng qua ống thông	Khối ngành 6
190	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình hướng dẫn ống nuôi tĩnh mạch trung ương	Khối ngành 6
191	Phòng thực hành Điều dưỡng	Dụng cụ thực hành CPS	Khối ngành 6
192	Phòng thực hành Điều dưỡng	Khí dung 303	Khối ngành 6
193	Phòng thực hành Điều dưỡng	Thiết bị thực hành rửa	Khối ngành 6
194	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành thực rửa - "Q chan"	Khối ngành 6
195	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy tiệt trùng bằng hơi cao áp	Khối ngành 6
196	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy thay băng	Khối ngành 6
197	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy thay băng	Khối ngành 6
198	Phòng thực hành Điều dưỡng	Đồng hồ đo bụi	Khối ngành 6

199	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế nâng hạ bằng tay	Khối ngành 6
200	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế nâng hạ bằng tay	Khối ngành 6
201	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế nâng hạ bằng tay	Khối ngành 6
202	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế nâng hạ bằng tay	Khối ngành 6
203	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế nâng hạ bằng tay	Khối ngành 6
204	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế nâng hạ bằng tay	Khối ngành 6
205	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành với người trưởng thành “SAKURA” II	Khối ngành 6
206	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm bắp tay dạng đeo	Khối ngành 6
207	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình tiêm tĩnh mạch - trích máu - Shinjo II	Khối ngành 6
208	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường cho trẻ em	Khối ngành 6
209	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường cho trẻ em	Khối ngành 6
210	Phòng thực hành Điều dưỡng	Búp bê thực hành sơ cứu người đuối nước- Resusci Junior	Khối ngành 6
211	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường cho trẻ em	Khối ngành 6



212	Phòng thực hành Điều dưỡng	Lồng áp trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
213	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn sơ sởi sơ sinh	Khối ngành 6
214	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn thăm khám (cân đo), vệ sinh trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
215	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bàn cân trẻ sơ sinh DS-30	Khối ngành 6
216	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường y tế điện di động	Khối ngành 6
217	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình mắt xa ngực sản phụ CS-1	Khối ngành 6
218	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình mắt xa ngực sản phụ CS-1	Khối ngành 6
219	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thăm khám bụng sản phụ II	Khối ngành 6
220	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy kiểm tra dấu hiệu sinh tồn của trẻ sơ sinh II	Khối ngành 6
221	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành với trẻ từ 7 ~ 10 tháng tuổi - "Maron chan"	Khối ngành 6
222	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành với trẻ từ 7 ~ 10 tháng tuổi - "Maron chan"	Khối ngành 6
223	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành với trẻ từ 7 ~ 10 tháng tuổi - "Maron chan"	Khối ngành 6

224	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình đỡ đẻ	Khối ngành 6
225	Phòng thực hành Điều dưỡng	Dụng cụ hướng dẫn kiểm tra khí quản của trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
226	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ trang phục trải nghiệm làm phụ nữ mang thai	Khối ngành 6
227	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy nghe tim thai	Khối ngành 6
228	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giường trẻ sơ sinh	Khối ngành 6
229	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực tập kiểm tra thai sản	Khối ngành 6
230	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành tầm mắt nữ giới “Keiko”	Khối ngành 6
231	Phòng thực hành Điều dưỡng	Thiết bị mô phỏng điện tim đồ (dạng bảng tay)	Khối ngành 6
232	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình hậu môn nhân tạo	Khối ngành 6
233	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy thật rửa chạy liên tục áp lực thấp	Khối ngành 6
234	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy cứu thương	Khối ngành 6
235	Phòng thực hành Điều dưỡng	Túi dụng cụ hồi sức cấp cứu có thở oxy	Khối ngành 6
236	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ đặt nội khí quản	Khối ngành 6

237	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ dụng cụ hồi sức cấp cứu	Khối ngành 6
238	Phòng thực hành Điều dưỡng	Thiết bị ghi điện tim	Khối ngành 6
239	Phòng thực hành Điều dưỡng	Bộ nẹp thử nghiệm làm người già "Oitarou"	Khối ngành 6
240	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình thực hành hô hấp nhân tạo AED	Khối ngành 6
241	Phòng thực hành Điều dưỡng	Mô hình bếp thực hành bằng điện kiểu nâng	Khối ngành 6
242	Phòng thực hành Điều dưỡng	Trục nâng chăm sóc bằng điện kiểu chân đứng	Khối ngành 6
243	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giá truyền dịch	Khối ngành 6
244	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giá truyền dịch	Khối ngành 6
245	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giá truyền dịch	Khối ngành 6
246	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giá truyền dịch	Khối ngành 6
247	Phòng thực hành Điều dưỡng	Giá truyền dịch	Khối ngành 6
248	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy dụng cụ tiêm 600x400x800	Khối ngành 6
249	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy dụng cụ tiêm 600x400x800	Khối ngành 6

250	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy dụng cụ tiêm 600x400x800	Khối ngành 6
251	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy dụng cụ tiêm 600x400x800	Khối ngành 6
252	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe đẩy dụng cụ tiêm 600x400x800	Khối ngành 6
253	Phòng thực hành Điều dưỡng	Cân y tế	Khối ngành 6
254	Phòng thực hành Điều dưỡng	Kính hiển vi 2 mắt	Khối ngành 6
255	Phòng thực hành Điều dưỡng	Tủ hấp dụng cụ y tế	Khối ngành 6
256	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
257	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
258	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
259	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
260	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
261	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
262	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
263	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
264	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6

265	Phòng thực hành Điều dưỡng	Xe lăn	Khối ngành 6
266	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy đo huyết áp thủy ngân	Khối ngành 6
267	Phòng thực hành Điều dưỡng	Máy đo huyết áp điện tử	Khối ngành 6
268	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Tay vịn dạng có thể nâng lên	Khối ngành 6
269	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Hô hấp khí	Khối ngành 6
270	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Thiết bị đo độ bão hòa oxy trong máu Pulsfit	Khối ngành 6
271	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy đo điện cơ Myo Systems	Khối ngành 6
272	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy chạy bộ dành cho phục hồi chức năng	Khối ngành 6
273	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Xe đạp tập thể thao	Khối ngành 6
274	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy Excite Top 700SP	Khối ngành 6
275	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1	Thiết bị ghi nhớ	Khối ngành 6

	(phòng cơ khí)			
276	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Thiết bị kiểm tra thẳng băng	Khối ngành 6	
277	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Rosen Score	Khối ngành 6	
278	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Bio Dex system 4	Khối ngành 6	
279	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	TeleMyo	Khối ngành 6	
280	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy khoan để bàn	Khối ngành 6	
281	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Cưa cầm tay mini	Khối ngành 6	
282	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy chà nhám băng & Máy mài băng đai	Khối ngành 6	
283	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy mài tổng hợp	Khối ngành 6	
284	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1	Máy may 1 kim	Khối ngành 6	

	(phòng cơ khí)			
285	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy bơm chân không	Khối ngành 6	
286	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy ép chân không	Khối ngành 6	
287	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy hút bụi	Khối ngành 6	
288	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy nén	Khối ngành 6	
289	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Máy chạm khắc	Khối ngành 6	
290	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Tủ sấy	Khối ngành 6	
291	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 1 (phòng cơ khí)	Tủ sấy	Khối ngành 6	
292	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Máy khoan để bàn	Khối ngành 6	

293	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Máy cắt nhựa mini	Khối ngành 6
294	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Bộ dụng cụ chế tạo sản phẩm gỗ	Khối ngành 6
295	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Bộ dụng cụ chế tạo sản phẩm kim loại	Khối ngành 6
296	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Dụng cụ kiểm tra nẹp tay giả	Khối ngành 6
297	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Tay giả nối bắp	Khối ngành 6
298	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Tay giả nối bắp	Khối ngành 6
299	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Vai giả	Khối ngành 6



	hình)			
300	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Vai gia		Khối ngành 6
301	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Vai gia		Khối ngành 6
302	Phòng thực hành dụng cụ chân tay giả 2 (Phòng thực hành chế tạo dụng cụ chỉnh hình)	Căng tay giả		Khối ngành 6
303	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Bàn thực tập		Khối ngành 6
304	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Ghế tròn		Khối ngành 6
305	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy chiếu		Khối ngành 6
306	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Màn chiếu		Khối ngành 6
307	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Bàn ghế giáo viên		Khối ngành 6
308	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Bảng		Khối ngành 6
309	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Nhiệt âm kế		Khối ngành 6

310	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy đo điện thế dòng 1 chiều	Khối ngành 6
311	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy đo điện thế dòng xoay chiều	Khối ngành 6
312	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Am pe kế dòng 1 chiều	Khối ngành 6
313	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Am pe kế dòng xoay chiều	Khối ngành 6
314	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Cầu Kohlrausch dạng di động	Khối ngành 6
315	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Cầu Wheatstone dạng di động	Khối ngành 6
316	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy điều chỉnh điện áp	Khối ngành 6
317	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Máy khuếch đại dòng một chiều (bộ vi sai)	Khối ngành 6
318	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Nguồn điện một chiều ổn định có thể điều chỉnh	Khối ngành 6
319	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Nguồn điện xoay chiều ổn định	Khối ngành 6
320	Phòng thực hành khoa học kỹ thuật y học	Vôn kế điện tử	Khối ngành 6
321	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Bàn thực tập	Khối ngành 6
322	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Ghế tròn	Khối ngành 6
323	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy chiếu	Khối ngành 6

324	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Màn chiếu	Khối ngành 6
325	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
326	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Bảng	Khối ngành 6
327	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Huyết áp kế	Khối ngành 6
328	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Ống nghe tim phổi	Khối ngành 6
329	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ly tâm Hematocrit	Khối ngành 6
330	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ly tâm để bàn	Khối ngành 6
331	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ly tâm lạnh vi lượng	Khối ngành 6
332	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Hộp lạnh bảo quản	Khối ngành 6
333	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Tủ cấp đông	Khối ngành 6
334	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Tủ bảo ôn	Khối ngành 6
335	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị lọc nước cất	Khối ngành 6
336	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy rửa dụng cụ xét nghiệm	Khối ngành 6
337	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Khí áp kế cơ học	Khối ngành 6
338	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Đồng hồ bấm giây chống hấp hơi	Khối ngành 6

339	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Cân điện tử	Khối ngành 6
340	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo pH	Khối ngành 6
341	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo nồng độ khí ga	Khối ngành 6
342	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo nồng độ hạt kỹ thuật số	Khối ngành 6
343	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Kính hiển vi điện tử kép	Khối ngành 6
344	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy cắt tiêu bản	Khối ngành 6
345	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Nồi đun paraffin	Khối ngành 6
346	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Đồng hồ đo khúc xạ	Khối ngành 6
347	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đo tỷ trọng nước tiêu dạng bỏ túi	Khối ngành 6
348	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Sắc ký lớp mỏng	Khối ngành 6
349	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Quang phổ kế	Khối ngành 6
350	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy đếm tế bào máu tự động	Khối ngành 6
351	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị đếm số lượng tế bào màu	Khối ngành 6
352	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy khử khuẩn nhiệt khô	Khối ngành 6
353	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Thiết bị khử khuẩn đun sôi	Khối ngành 6

354	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Máy ổn định nhiệt độ	Khối ngành 6
355	Phòng thực tập sinh hóa – huyết học	Hộp quan sát huyết thanh huyết tương	Khối ngành 6
356	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bàn thực tập	Khối ngành 6
357	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Ghế tròn	Khối ngành 6
358	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy chiếu	Khối ngành 6
359	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Màn chiếu	Khối ngành 6
360	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
361	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bảng	Khối ngành 6
362	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Huyết áp kế	Khối ngành 6
363	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Ổng nghe tim phổi	Khối ngành 6

364	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Hộp lạnh bảo quản	Khối ngành 6
365	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Tủ bảo ôn	Khối ngành 6
366	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy sấy khô định ôn	Khối ngành 6
367	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị lọc nước cát	Khối ngành 6
368	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy rửa dụng cụ xét nghiệm	Khối ngành 6
369	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Đồng hồ bấm giây chống hấp hơi	Khối ngành 6
370	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Cân điện tử	Khối ngành 6
371	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị đo pH	Khối ngành 6
372	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị đo nồng độ khí ga	Khối ngành 6

373	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị đo nồng độ hạt kỹ thuật số	Khối ngành 6
374	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Kính hiển vi điện tử kép	Khối ngành 6
375	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy cắt tiêu bản	Khối ngành 6
376	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Bộ lấy máu xét nghiệm	Khối ngành 6
377	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Quang phổ kế	Khối ngành 6
378	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy khử khuẩn nhiệt khô	Khối ngành 6
379	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Thiết bị khử khuẩn đun sôi	Khối ngành 6
380	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy ổn định nhiệt độ	Khối ngành 6
381	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Lòng áp	Khối ngành 6

382	Phòng thực tập vi sinh vật – ký sinh trùng	Máy đọc khay vi thể	Khối ngành 6
383	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Bàn thực tập	Khối ngành 6
384	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Ghế tròn	Khối ngành 6
385	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy chiếu	Khối ngành 6
386	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Màn chiếu	Khối ngành 6
387	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
388	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Bảng	Khối ngành 6
389	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Huyết áp kê	Khối ngành 6
390	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Ổng nghe tim phổi	Khối ngành 6
391	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Kính hiển vi điện tử kép	Khối ngành 6
392	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy cắt tiêu bản	Khối ngành 6
393	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Hộp lạnh bảo quản	Khối ngành 6
394	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Tủ bảo ôn	Khối ngành 6
395	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy sấy khô định ôn	Khối ngành 6



396	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Thiết bị lọc nước cát	Khối ngành 6
397	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy rửa dụng cụ xét nghiệm	Khối ngành 6
398	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Đồng hồ bấm giây chống hấp hơi	Khối ngành 6
399	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Sắc ký lớp mỏng	Khối ngành 6
400	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Quang phổ kế	Khối ngành 6
401	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy khử khuẩn nhiệt khô	Khối ngành 6
402	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Thiết bị khử khuẩn đun sôi	Khối ngành 6
403	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy ổn định nhiệt độ	Khối ngành 6
404	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Cân điện tử	Khối ngành 6
405	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy đọc khay vi thể	Khối ngành 6
406	Phòng thực tập sinh lý bệnh học	Máy đo điện não đồ	Khối ngành 6
407	Phòng thực hành X-quang	Bàn thực tập	Khối ngành 6
408	Phòng thực hành X-quang	Ghế tròn	Khối ngành 6
409	Phòng thực hành X-quang	Máy chiếu	Khối ngành 6
410	Phòng thực hành X-quang	Màn chiếu	Khối ngành 6

411	Phòng thực hành X-quang	Bàn ghế giáo viên	Khối ngành 6
412	Phòng thực hành X-quang	Bảng	Khối ngành 6
413	Phòng thực hành X-quang	Thiết bị đo phơi nhiễm phóng xạ các nhân	Khối ngành 6
414	Phòng thực hành X-quang	Thiết bị đo tia nhiệt huỳnh quang	Khối ngành 6
415	Phòng thực hành X-quang	Ống đếm tia phóng xạ (dạng ống GM)	Khối ngành 6
416	Phòng thực hành X-quang	Máy đếm bức xạ	Khối ngành 6
417	Phòng thực hành X-quang	Thiết bị phân tích chiều cao sóng đa kênh	Khối ngành 6
418	Phòng thực hành X-quang	Phổ kế nhấp nháy	Khối ngành 6
419	Phòng thực hành X-quang	Hộp đo điện ly	Khối ngành 6